

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số của Sở Ngoại vụ tỉnh Kiên Giang
giai đoạn 2021-2025 định hướng đến năm 2030

Thực hiện Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; Kế hoạch số 186/KH-UBND ngày 24/12/2020 của UBND tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Sở Ngoại vụ xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Chuyển đổi số trong các hoạt động của Sở, xây dựng cơ quan quản lý số, đơn vị số, góp phần hoàn thiện mô hình Chính quyền số, hình thành xã hội số, kinh tế số. Dùng công nghệ thông tin và truyền thông, công nghệ số làm động lực để phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Hình thành và phát triển môi trường số an toàn, tiện ích phục vụ tối đa nhu cầu sản xuất, kinh doanh cũng như sinh hoạt cộng đồng của người dân.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

- 80% Dịch vụ công trực tuyến đạt mức độ 4 được cung cấp đa kênh, đa phương tiện truy cập, đặc biệt là thiết bị di động.
- 95% hồ sơ công việc cấp tỉnh được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).
- 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ của Sở được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo của Sở và của Tỉnh.
- Tổ chức thực hiện công tác kết nối cơ sở dữ liệu chung của tỉnh; từng bước hoàn thiện cung cấp các dịch vụ của ngành ngoại vụ tới người dân.
- Từng bước đưa hoạt động của Sở thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.
- 60% dữ liệu quản lý của cơ quan được số hóa, lưu trữ tập trung.
- Góp phần cải thiện nền kinh tế của tỉnh, nâng cao năng lực cạnh tranh kinh tế của Tỉnh, là tiền đề phát triển kinh tế số, xã hội số, thu hẹp khoảng cách số.

2.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Phối hợp với các cơ quan chuyên môn liên quan triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 ở Sở đạt 100%.
- 100 % hồ sơ công việc của Sở được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).
- 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ của Sở được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo của Sở và của Tỉnh.
- Đưa hoạt động của Sở thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý đạt 70% trở lên.
- Góp phần cải thiện, nâng cao năng lực cạnh tranh kinh tế của Tỉnh, đẩy mạnh phát triển kinh tế số, xã hội số, thu hẹp khoảng cách số.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Chuyển đổi nhận thức về chuyển đổi số

- Tổ chức phổ biến, quán triệt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về chuyển đổi số trên bằng các hình thức khác nhau như: Trên Trang thông tin điện tử của Sở, trên phần mềm hồ sơ công việc của cơ quan, qua các cuộc họp định kỳ của cơ quan... nhằm nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền và cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan về sự cần thiết và tính cấp thiết của chuyển đổi số.
- Lãnh đạo Sở Ngoại vụ cam kết đổi mới, cho phép thử nghiệm cái mới, ứng dụng các công nghệ mới vì mục tiêu phát triển bền vững, thúc đẩy phát triển công nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực nghiên cứu, ứng dụng CNTT.
- Xây dựng lề lối, phương thức làm việc ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành công việc tại cơ quan, sử dụng dữ liệu số triệt để góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động tại cơ quan và phục vụ người dân ngày càng tốt hơn.
- Cử công chức tham gia các khóa đào tạo, giới thiệu kiến thức cơ bản về chuyển đổi số; các khóa chuyên sâu và nâng cao về kiến thức chuyển đổi số, phương thức tạo lập, hình thành các hệ thống thông tin trong chuyển đổi số; các Hội nghị, Hội thảo, Tọa đàm về chuyển đổi số nhằm trao đổi kinh nghiệm, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số.

2. Kiến tạo thể chế về chuyển đổi số

- Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản, các cơ chế chính sách để đáp ứng yêu cầu điều chỉnh các mối quan hệ mới phát sinh trong tiến trình chuyển đổi số, khuyến khích đổi mới, sáng tạo.
- Xây dựng mới quy định số hóa dữ liệu, trong đó chú trọng đến quy định, tiêu chuẩn danh mục các dữ liệu cơ quan nhà nước phải số hóa theo lộ trình. Chuẩn hóa nghiệp vụ trên nền tảng công nghệ để khai thác, vận hành có hiệu quả các dữ liệu được số hóa.

- Xây dựng và cập nhật các quy định về dữ liệu số, trong đó cần cụ thể hóa các quy chuẩn về lưu trữ tập trung, chia sẻ, kết nối dữ liệu số trong các cơ quan nhà nước, cho cộng đồng, xã hội trên nền tảng kiến trúc số. Xác định mối quan hệ vận hành, kết nối, chia sẻ dữ liệu của các hệ thống thông tin trong cơ quan nhà nước với khối doanh nghiệp và toàn xã hội, làm rõ phương thức thu thập, chia sẻ dữ liệu, bảo mật thông tin cá nhân, sử dụng và làm giàu dữ liệu dùng chung thống nhất.

- Xây dựng bộ tiêu chí chuyên đổi số trong các cơ quan, đơn vị; quy định tiêu chí cho cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, đặc biệt cán bộ chuyên trách an toàn thông tin. Xây dựng cơ chế đặc thù, đãi ngộ cho đội ngũ chuyên trách an toàn thông tin trong quá trình chuyển đổi số.

3. Phát triển hạ tầng số

Rà soát, bổ sung mua sắm trang thiết bị mạng, phần mềm bảo đảm an toàn thông tin có tốc độ cao, thể hệ mới có, hiện đại có tính năng bảo mật, bảo đảm an toàn, an ninh mạng để triển khai kết nối và xử lý dữ liệu trong cơ quan.

4. Xây dựng kho dữ liệu số

- Tổ chức triển khai số hóa dữ liệu quản lý chuyên môn tại các phòng, đơn vị thuộc Sở theo từng lĩnh vực, theo từng giai đoạn. Chuẩn hóa hồ sơ điện tử từ hệ thống quản lý văn bản, Một cửa điện tử và dịch vụ công trực tuyến, các hệ thống thông tin phục vụ phát triển Chính quyền điện tử.

- Chuẩn hóa và số hóa quy trình đối với các dữ liệu đã được số hóa. Phân tích dữ liệu dư thừa, trùng lặp để tối ưu dữ liệu số hóa nhằm nâng cao hiệu quả và tối ưu nguồn lực triển khai.

- Xây dựng kho dữ liệu dùng chung của sở kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu của các đơn vị cung cấp thành dịch vụ công ích, xã hội và các dịch vụ công cộng để hình thành quy chuẩn đối soát, chia sẻ hướng đến một dữ liệu đồng bộ thống nhất trong cơ quan nhà nước cũng như toàn xã hội.

5. An toàn, an ninh thông tin trong chuyển đổi số

Xây dựng, hoàn thiện các chính sách và quy định về an toàn, bảo mật thông tin, dữ liệu số như: Quy định về trách nhiệm của nhân sự có tương tác với dữ liệu nhạy cảm; quy định bắt buộc tối thiểu về chuẩn mã hóa dữ liệu lưu trữ, mã hóa trong giao tiếp/kết nối giữa các hệ thống, đăng nhập; các quy định và thực hiện đánh giá đầy đủ về tính an toàn, an ninh thông tin khi sử dụng các giải pháp của bên thứ ba hoặc xây dựng một sản phẩm mới, một kết nối mới.

6. Nguồn nhân lực CNTT trong chuyển đổi số

- Xây dựng, hoàn thiện các chính sách và quy định về cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh, chính sách đào tạo bồi dưỡng nhân lực phục vụ công cuộc chuyển đổi số.

- Bố trí ít nhất một cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, đảm bảo an toàn thông tin và vận hành thông suốt hệ thống thông tin cho cơ quan, đơn vị.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Ban giám đốc giao Văn phòng Sở phối hợp với các phòng trực thuộc Sở Ngoại vụ xây dựng kế hoạch giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030, đồng thời triển khai nội dung đến toàn thể công chức và các phòng thực hiện chuẩn hóa, số hóa các quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, biểu mẫu, chế độ báo cáo; Thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử theo quy định.

Tham mưu xây dựng kế hoạch triển khai và định kỳ tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định; Cập nhật đưa tin tuyên truyền các Chủ trương, Chính sách của Đảng và Nhà nước về chuyển đổi số trên Cổng thông tin điện tử của Sở.

Chủ động tham mưu xây dựng các chuyên mục về chuyển đổi số trong thời gian tới.

Các phòng trực thuộc Sở căn cứ chức năng, nhiệm vụ nghiên cứu tổ chức triển khai thực hiện theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện chuyển đổi số tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 của Sở Ngoại vụ tỉnh Kiên Giang./

Nơi nhận:

- Sở Thông tin và truyền thông tỉnh;
- BGĐ Sở;
- Các phòng trực thuộc;
- Lưu: VT, CCPTCNTT, ththai.



Nguyễn Việt Thông

KẾ HOẠCH

Chuyển đổi số tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030

Thực hiện Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, nội dung cụ thể sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Đến năm 2030, tỉnh Kiên Giang cơ bản hoàn thiện mô hình Chính quyền số, hình thành xã hội số, kinh tế số; đô thị thông minh triển khai thành công tại thành phố Rạch Giá, Hà Tiên và Phú Quốc làm cơ sở để nhân rộng mô hình đến 100% các huyện trên địa bàn tỉnh. Dùng công nghệ thông tin và truyền thông, công nghệ số làm động lực để phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Hình thành và phát triển môi trường số an toàn, tiện ích phục vụ tối đa nhu cầu sản xuất, kinh doanh cũng như sinh hoạt cộng đồng của người dân.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

- 80% Dịch vụ công trực tuyến đạt mức độ 4 được cung cấp đa kênh, đa phương tiện truy cập, đặc biệt là thiết bị di động.

- 90% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- 100% báo cáo định kỳ, báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh được thực hiện qua hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh; kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Kiên Giang với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

- Kết nối, liên thông hệ thống thông tin tỉnh Kiên Giang với các cơ sở dữ liệu quốc gia tạo nền tảng phát triển Chính quyền số bao gồm các cơ sở dữ liệu quốc gia về Dân cư, Đất đai, Doanh nghiệp, Tài chính, Bảo hiểm, Tư pháp,... góp phần cung cấp dịch vụ công kịp thời, nhanh chóng và hiệu quả hơn; tinh giản giấy tờ trên cơ sở hoàn thiện cơ sở dữ liệu công dân (hình thành công dân số).



- Kiên Giang nằm trong nhóm khá về chỉ số đánh giá chuyển đổi số của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- 100% người dân và doanh nghiệp tham gia hệ thống Chính quyền điện tử, dịch vụ đô thị thông minh được xác thực định danh điện tử thông suốt hợp nhất với hệ thống Trung ương.

- 100% cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã xây dựng và triển khai hệ thống thông tin chuyên ngành.

- 60% dữ liệu quản lý của các cơ quan hành chính nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã được số hóa, lưu trữ tập trung.

- 100% địa bàn hành chính được kéo cáp quang internet.

- 100% địa bàn tỉnh được phủ sóng mạng 4G, hướng đến mạng di động thế hệ mới 5G.

- Cơ bản các hộ gia đình trên toàn tỉnh được phổ cập internet.

- 50% người dùng điện thoại thông minh (Smartphone) được tiếp cận với các dịch vụ chính quyền điện tử, dịch vụ đô thị thông minh, tham gia vào hoạt động thanh toán điện tử.

- 100% người dân đảm bảo điều kiện được phổ cập điện thoại thông minh.

- 90% doanh nghiệp ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- 70% doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tiếp cận và tham gia vào các hoạt động giao dịch điện tử trên môi trường mạng.

2.2. Mục tiêu cơ bản đến năm 2030

Hình thành và cơ bản hoàn thiện chuyển đổi số toàn diện tỉnh Kiên Giang, đặc biệt là 03 trụ cột chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Dữ liệu số ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh được thu thập hoàn thiện và chia sẻ công khai, toàn diện nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh.

- 100% Dịch vụ công trực tuyến đạt mức độ 4 được cung cấp đa kênh, đa phương tiện truy cập, đặc biệt là thiết bị di động.

- 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, 90% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- Phổ cập dịch vụ băng rộng cáp quang, 100% địa bàn tỉnh được phủ sóng mạng di động 5G.

- 80% người dùng điện thoại thông minh (Smartphone) được tiếp cận với các dịch vụ chính quyền điện tử, dịch vụ đô thị thông minh, tham gia vào hoạt động thanh toán điện tử.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nhiệm vụ, giải pháp tạo cơ sở, nền tảng cho chuyển đổi số

1.1. Nâng cao nhận thức về chuyển đổi số

- Chuyển đổi số trước tiên là chuyển đổi nhận thức. Một cơ quan, tổ chức có thể tiến hành chuyển đổi số ngay thông qua việc sử dụng nguồn lực, hệ thống kỹ thuật sẵn có để số hoá toàn bộ tài sản thông tin của mình và chuyển đổi các mối quan hệ từ môi trường truyền thống sang môi trường số.

- Nâng cao nhận thức về chuyển đổi từ người đứng đầu các cơ quan, đơn vị. Người đứng đầu chịu trách nhiệm trực tiếp về chuyển đổi số trong cơ quan, tổ chức, lĩnh vực, địa bàn mình phụ trách. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức cam kết đổi mới, cho phép thử nghiệm cái mới, ứng dụng công nghệ mới vì mục tiêu phát triển bền vững, liên kết các thành phần khác nhau theo mô hình kinh tế tuần hoàn; thúc đẩy phát triển công nghiệp sáng tạo trong ngành, lĩnh vực, địa phương mình phụ trách.

- Tổ chức các chuyên đề tập huấn kiến thức cơ bản về chuyển đổi số và nâng cao kiến thức, nghiệp vụ quản lý nhà nước trên nền tảng chuyển đổi số cho các cấp lãnh đạo từ cấp tỉnh đến cấp xã.

- Tổ chức các khóa đào tạo, giới thiệu kiến thức cơ bản về chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; các khóa chuyên sâu và nâng cao về kiến thức chuyển đổi số, phương thức tạo lập, hình thành các hệ thống thông tin trong chuyển đổi số.

- Tổ chức các Hội nghị, Hội thảo, Tọa đàm về chuyển đổi số nhằm trao đổi kinh nghiệm, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số.

- Tổ chức các khoá học, trao đổi với doanh nghiệp về xu thế và tính tất yếu của chuyển đổi số hiện nay trong doanh nghiệp. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và sử dụng nguồn dữ liệu mở để khai thác các giá trị nhằm phát triển doanh nghiệp trong thời đại số.

- Xây dựng kế hoạch tuyên truyền theo chuyên mục và kết quả thực hiện chuyển đổi số của tỉnh trên báo chí và phương tiện truyền thông của tỉnh nhằm tăng cường sự tham gia của người dân và doanh nghiệp cùng tham gia góp ý, giám sát và sử dụng các dịch vụ, tiện ích do chuyển đổi số mang lại.

1.2. Tạo cơ sở pháp lý, cơ chế thúc đẩy chuyển đổi số

Cụ thể hóa, bổ sung các văn bản của địa phương để đảm bảo điều kiện cho công cuộc chuyển đổi số, trong đó cần chú trọng các nội dung sau:

- Cụ thể hóa và triển khai khung pháp lý thử nghiệm có kiểm soát cho hoạt động phát triển, thử nghiệm và áp dụng các sản phẩm, giải pháp, dịch vụ, mô hình kinh doanh số trên địa bàn tỉnh, quy định rõ phạm vi không gian và thời gian thử nghiệm, để khuyến khích đổi mới, sáng tạo.

- Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản, các cơ chế chính sách để đáp ứng yêu cầu điều chỉnh các mối quan hệ mới phát sinh trong tiến trình chuyển đổi số, khuyến khích đổi mới, sáng tạo.

- Xây dựng và ban hành cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh gắn kết với chuyển đổi số, hướng đến Kiến trúc Chính quyền số tỉnh Kiên Giang; nghiên cứu triển khai Bộ Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số tỉnh Kiên Giang phù hợp với Bộ Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số quốc gia.

- Xây dựng mới quy định số hóa dữ liệu, trong đó chú trọng đến quy định, tiêu chuẩn danh mục các dữ liệu cơ quan nhà nước phải số hóa theo lộ trình. Chuẩn hóa nghiệp vụ trên nền tảng công nghệ để khai thác, vận hành có hiệu quả các dữ liệu được số hóa.

- Xây dựng và cập nhật các quy định về dữ liệu số, trong đó căn cứ thể hóa các quy chuẩn về lưu trữ tập trung, chia sẻ, kết nối dữ liệu số trong các cơ quan nhà nước, cho cộng đồng, xã hội trên nền tảng kiến trúc số. Xác định mối quan hệ vận hành, kết nối, chia sẻ dữ liệu của các hệ thống thông tin trong cơ quan nhà nước với khối doanh nghiệp và toàn xã hội, làm rõ phương thức thu thập, chia sẻ dữ liệu, bảo mật thông tin cá nhân, sử dụng và làm giàu dữ liệu dùng chung thống nhất...

- Xây dựng bộ tiêu chí chuyển đổi số trong các cơ quan, đơn vị; quy định tiêu chí cho cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, đặc biệt cán bộ chuyên trách an toàn thông tin. Xây dựng cơ chế đặc thù, đãi ngộ cho đội ngũ chuyên trách an toàn thông tin trong quá trình chuyển đổi số.

1.3. Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, viễn thông phục vụ chuyển đổi số

- Xây dựng, phát triển hạ tầng kết nối băng rộng chất lượng cao trên địa bàn tỉnh, đảm bảo tính đồng bộ, nhất là hạ tầng viễn thông tại các nơi biên giới, hải đảo; nâng cấp mạng di động 4G, phát triển hạ tầng mạng di động 5G, triển khai các giải pháp để phổ cập điện thoại di động thông minh đến nhân dân trên địa bàn tỉnh.

- Chuyển đổi cơ bản mạng Internet của tỉnh sang ứng dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6); mở rộng và khai thác mạng truyền số liệu chuyên dùng đến cấp xã.

- Nâng cấp Trung tâm dữ liệu của tỉnh, đảm bảo năng lực vận hành các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh, phục vụ hiệu quả công cuộc chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước. Ứng dụng công nghệ mới, đặc biệt là điện toán đám mây, kiến trúc siêu hội tụ, dữ liệu lớn... đảm bảo khả năng vận hành thông suốt, ổn định và an toàn, an ninh thông tin. Đưa Trung tâm dữ liệu tỉnh đang từ tiệm cận đến đạt tiêu chuẩn Tier 3 hoặc cao hơn. Thuê dịch vụ đối với các dữ liệu lớn cần lưu trữ dài lâu và dịch vụ dự phòng thảm họa đối với Trung tâm dữ liệu tỉnh (Trung tâm dự phòng).

- Phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT), xây dựng lộ trình và triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như giao thông, môi trường, năng lượng, điện, nước... để chuyển đổi thành một bộ phận cấu thành quan trọng của hạ tầng số. Đến năm 2025, xây dựng hạ tầng IoT bao gồm cảm biến IoT theo các lĩnh vực khác nhau phục vụ nhu cầu về quản lý và phát triển đô thị như: Quản lý đô thị, môi trường, giao thông, an ninh trật tự, nguồn nước...

1.4. Xây dựng các kho dữ liệu số

- Tổ chức số hóa dữ liệu quản lý chuyên ngành tại các cơ quan hành chính nhà nước. Chuẩn hóa hồ sơ điện tử từ hệ thống quản lý văn bản, Một cửa điện tử và dịch vụ công trực tuyến, các hệ thống thông tin phục vụ phát triển Chính quyền điện tử.

- Tổ chức chuẩn hóa cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh kết hợp với cơ sở dữ liệu dùng chung quốc gia, hình thành danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung thống nhất trong quá trình vận hành, khai thác các hệ thống thông tin.

- Chuẩn hóa và số hóa quy trình đối với các dữ liệu đã được số hóa. Phân tích dữ liệu dư thừa, trùng lặp để tối ưu dữ liệu số hóa nhằm nâng cao hiệu quả và tối ưu nguồn lực triển khai.

- Xây dựng Kho dữ liệu dùng chung kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu của các đơn vị cung cấp thành dịch vụ công ích, xã hội và các dịch vụ công cộng để hình thành quy chuẩn đối soát, chia sẻ hướng đến một dữ liệu đồng bộ thống nhất trong cơ quan nhà nước cũng như toàn xã hội.

1.5. Xây dựng nền tảng số

Hoàn thiện Kiến trúc Chính quyền điện tử hướng đến Kiến trúc Chính quyền số, trong đó chú trọng đến các nền tảng quan trọng như:

- **Nền tảng kết nối dịch vụ số hóa:** Nền tảng đảm bảo yêu cầu cho các thành phần tham gia có thể phân loại và xác định lộ trình số hóa dữ liệu cũng như công cụ số hóa dữ liệu theo quy chuẩn thống nhất. Dữ liệu số hóa phải đảm bảo việc kết nối các dịch vụ số hóa với các ứng dụng tại đơn vị và Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh. Lưu trữ tài liệu được số hóa, làm hồ sơ gốc phục vụ cho việc quản lý, khai thác tài liệu điện tử.

- **Nền tảng định danh điện tử:** Nền tảng đảm bảo tối thiểu những chức năng cơ bản như: Sinh trắc học nhận dạng người dân dưới dạng đặc tính số; lưu trữ và truy xuất thông tin người dân; kết nối nền tảng định danh xác thực được sử dụng trong hệ thống chính quyền điện tử, Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh Kiên Giang (LGSP) và kết nối với nền tảng quốc gia (NGSP).

- **Nền tảng Internet vạn vật (IoT):** Nền tảng đảm bảo việc kết nối, truyền dữ liệu và hỗ trợ các bài toán phân tích phục vụ quản lý cũng như triển khai các dịch vụ đô thị thông minh tập trung vào các lĩnh vực trọng yếu như: Môi trường, giao thông, cây xanh, chiếu sáng.

- **Nền tảng phân tích dữ liệu lớn (Big Data):** Bao gồm các thành phần quan trọng như phân tích, thu thập, giám sát dữ liệu, tìm kiếm, chia sẻ, lưu trữ, truyền nhận, trực quan, truy vấn và tính riêng tư.

- **Nền tảng trí tuệ nhân tạo (AI):** Xây dựng nền tảng khai thác dữ liệu trong Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh với các phương pháp học máy, khai phá dữ liệu, hỗ trợ phân tích, ra quyết định cho các bài toán phục vụ phát triển, thúc đẩy chuyển đổi số. Đồng thời đảm bảo nền tảng phân tích kinh doanh cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- **Nền tảng Blockchain.** Xây dựng nền tảng blockchain để phục vụ nhu cầu về sử dụng công nghệ blockchain trong các hệ thống thông tin của tỉnh. Nền tảng blockchain cần đảm bảo các yêu cầu chung sau: Tổ chức lưu trữ dữ liệu dạng khối (block); quản lý, kiểm soát các điểm truy cập tham gia chuỗi (blockchain); mã hóa, đảm bảo tính an toàn và toàn vẹn dữ liệu; truy vết dữ liệu.

1.6. An toàn, an ninh thông tin trong chuyển đổi số

- Xây dựng, hoàn thiện các chính sách và quy định về an toàn, bảo mật thông tin, dữ liệu số như: Quy định về trách nhiệm của nhân sự có tương tác với dữ liệu nhạy cảm; quy định bắt buộc tối thiểu về chuẩn mã hóa dữ liệu lưu trữ, mã hóa trong giao tiếp/kết nối giữa các hệ thống, đăng nhập; các quy định và thực hiện đánh giá đầy đủ về tính an toàn, an ninh thông tin khi sử dụng các giải pháp của bên thứ ba hoặc xây dựng một sản phẩm mới, một kết nối mới.

- Tiếp tục hoàn thiện Trung tâm điều hành an toàn, an ninh mạng và điều hành các hệ thống thông tin tỉnh Kiên Giang đặt tại Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông tỉnh Kiên Giang.

- Xây dựng mạng lưới đảm bảo an toàn thông tin mạng trên cơ sở nâng cao chuyên môn nghiệp vụ của Đội Ứng cứu sự cố máy tính; cán bộ chuyên trách an toàn thông tin kết hợp với nhân sự phụ trách công nghệ thông tin các doanh nghiệp, tổ chức.

- Triển khai các chương trình nâng cao nhận thức về an ninh, an toàn thông tin và tính riêng tư đến các cán bộ nhân viên trong cơ quan nhà nước và các doanh nghiệp chuyển đổi số.

- Nghiên cứu xây dựng các quy định đối với một số ngành, lĩnh vực cần có sự đánh giá độc lập về mức độ đảm bảo an ninh, an toàn thông tin theo định kỳ và đột xuất.

- Xây dựng quy trình vận hành các hệ thống của tỉnh nhằm đảm bảo tính cập nhật liên tục theo các khuyến cáo về an toàn, an ninh thông tin, đánh giá các rủi ro, thường xuyên giám sát các nguy cơ, phát hiện/cảnh báo sớm các thay đổi hay tấn công vào các hệ thống.

- Xây dựng các kế hoạch và chương trình hợp tác với các Trường Đại học, các Viện nghiên cứu, các doanh nghiệp lớn trong nước và trên thế giới để phối hợp, nghiên cứu và triển khai các kết quả nghiên cứu/công nghệ mới về an toàn,



an ninh thông tin vào các hệ thống hiện có của tỉnh.

1.7. Nguồn nhân lực CNTT trong chuyển đổi số

- Xây dựng, hoàn thiện các chính sách và quy định về cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh, chính sách đào tạo bồi dưỡng nhân lực phục vụ công cuộc chuyển đổi số.

- Mỗi cơ quan, đơn vị sẽ bố trí ít nhất một cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, đảm bảo an toàn thông tin và vận hành thông suốt hệ thống thông tin cho cơ quan, đơn vị.

2. Nhiệm vụ, giải pháp phát triển Chính quyền số

- Triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của địa phương theo Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng 2025. Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước. Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

- Tái cấu trúc hạ tầng công nghệ thông tin của các sở, ban, ngành, huyện, thành phố. Chuyển đổi hạ tầng công nghệ thông tin thành hạ tầng số ứng dụng công nghệ điện toán đám mây phục vụ kết nối, quản lý các nguồn lực, dữ liệu của cơ quan nhà nước một cách an toàn, linh hoạt, ổn định và hiệu quả.

- Đẩy mạnh triển khai các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án số hoá, chuyển đổi số quy trình nghiệp vụ của cơ quan nhà nước. Đẩy nhanh tiến độ triển khai các cơ sở dữ liệu quốc gia trên địa bàn tỉnh, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu mở phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước đối với các ngành, lĩnh vực và hỗ trợ doanh nghiệp phát triển. Từng bước hình thành các hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu mở cấp tỉnh.

- Triển khai dịch vụ công, tăng cường phát triển dịch vụ công trực tuyến theo mô hình định danh công dân, doanh nghiệp từ khi đến giao dịch, hoàn thiện hồ sơ điện tử thay cho giấy tờ thông thường, xác thực định danh người đăng ký, mô hình đăng ký đa điểm dịch vụ công, tích hợp các dịch vụ công ích và sự nghiệp. Hoàn thiện mô hình theo quy định quốc gia.

- Triển khai mô hình phòng họp thông minh, kết hợp hội nghị trực tuyến hướng đến mục tiêu họp không tập trung và không giấy tờ trên phạm vi toàn tỉnh.

- Phát triển, hoàn thiện Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, kết nối với hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ bảo đảm tích hợp, chia sẻ dữ liệu số phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp theo thời gian thực.

- Đảm bảo 100% các ngành hoàn thiện hệ thống thông tin chuyên ngành trên nền tảng số hóa và vận hành bởi quy trình số. Tạo lập dữ liệu thống kê phục vụ quản lý số liệu chuyên ngành, tổng hợp số liệu chỉ tiêu kinh tế xã hội

- Hoàn thiện Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh gồm các thành phần chính như sau: Hệ thống quản lý định danh và xác thực người dùng tập trung (SSO) phục vụ dịch vụ công cho người dân và doanh nghiệp; kết nối thanh toán điện tử; kết nối dịch vụ bưu chính để chuyển phát hồ sơ; cung cấp thông tin tình trạng giải quyết hồ sơ hành chính; tích hợp, cung cấp dữ liệu; liên thông các hệ thống thông tin.

- Thử nghiệm triển khai hiệu quả một số dịch vụ số trên nền tảng đô thị thông minh.

- Tham gia chương trình đào tạo, tập huấn đội ngũ chuyên gia về chuyển đổi số do Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức. Các chuyên gia này tiếp tục đào tạo lại cho cán bộ liên quan ở các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh để tạo nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số tỉnh Kiên Giang.

3. Nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế số

- Thúc đẩy phát triển kinh tế số với trọng tâm là phát triển doanh nghiệp công nghệ số: Các doanh nghiệp khởi nghiệp ứng dụng công nghệ số để tạo ra các sản phẩm, dịch vụ mới trong các ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội; các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới, sáng tạo về công nghệ số.

- Thúc đẩy chuyển đổi số trong mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh và quản lý của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh nhằm nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và cả nền kinh tế của tỉnh.

- Phát triển sản phẩm nội dung số, truyền thông số, quảng cáo số. Phát triển công nghiệp sáng tạo, hệ sinh thái nội dung số trên địa bàn tỉnh đa dạng, hấp dẫn. Các cơ quan nhà nước cùng tham gia phát triển công nghiệp sáng tạo.

- Tổ chức các chương trình phổ biến kiến thức về các công nghệ số, các loại mô hình kinh tế số đổi mới sáng tạo, chia sẻ kinh nghiệm của những doanh nghiệp trong từng lĩnh vực đang thành công nhờ các mô hình kinh doanh sáng tạo với công nghệ số. Hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ngành nghề truyền thống, doanh nghiệp sản xuất chuyển đổi sang cung cấp sản phẩm, dịch vụ trên các nền tảng số, sản xuất thông minh.

- Xây dựng thị trường thương mại điện tử lành mạnh có tính cạnh tranh và phát triển bền vững, trong đó hỗ trợ ứng dụng rộng rãi thương mại điện tử trong doanh nghiệp và cộng đồng.

- Tăng cường xây dựng các hệ thống hạ tầng và dịch vụ nhằm hỗ trợ phát triển thương mại điện tử.

4. Nhiệm vụ, giải pháp phát triển xã hội số

- Phát triển hạ tầng, dịch vụ viễn thông băng rộng đến người dân. Xây dựng hoặc tham gia vào chương trình quốc gia, chương trình phối hợp với các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông, doanh nghiệp để triển khai phổ cập Internet, điện thoại di động thông minh giá rẻ đến rộng rãi Nhân dân.

- Thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh. Trước tiên là nêu cao tinh thần, trách nhiệm, gương mẫu của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan nhà nước. Xây dựng các chương trình khuyến khích ứng dụng trong xã hội.

- Xây dựng các chương trình truyền thông về chuyển đổi số, các chương trình đào tạo kỹ năng lãnh đạo, quản lý chuyển đổi số cho người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, chủ các doanh nghiệp.

- Phối hợp Bộ Thông tin và Truyền thông triển khai các khoá học đại trà trực tuyến mở (MOOCS) cho tất cả người dân nâng cao khả năng tiếp cận giáo dục nhờ công nghệ số, đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng số. Phổ cập việc thi trực tuyến; phối hợp xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập; hợp tác phát triển các doanh nghiệp công nghệ phục vụ giáo dục hướng tới đào tạo cá thể hoá.

- Đánh giá các tác động của công nghệ số đến xã hội để có các giải pháp chủ động giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của công nghệ số; ban hành các quy tắc ứng xử trên môi trường số cho doanh nghiệp và người dân; phát triển các Trung tâm giải đáp thắc mắc và hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng, tác động tiêu cực bởi công nghệ số.

5. Ưu tiên chuyển đổi số các ngành, lĩnh vực trọng điểm

5.1. Chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế:

- Xây dựng và từng bước hình thành hệ thống chăm sóc sức khỏe và phòng bệnh dựa trên các công nghệ số; ứng dụng công nghệ số toàn diện tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh góp phần cải cách hành chính, giảm tải bệnh viện, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử tiến tới không sử dụng bệnh án giấy, thanh toán viện phí, hình thành các bệnh viện thông minh; xây dựng nền tảng quản trị y tế thông minh dựa trên công nghệ số, tích hợp thông tin, dữ liệu, hình thành cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế.

- Tham gia chương trình thí điểm triển khai sáng kiến “Mỗi người dân có một bác sĩ riêng” với mục tiêu mỗi người dân có một hồ sơ số về sức khoẻ cá nhân, trên cơ sở đó được bác sĩ tư vấn, chăm sóc cho từng người dân như là bác sĩ riêng, hình thành hệ thống chăm sóc y tế số hoàn chỉnh từ khâu chăm sóc sức khoẻ ban đầu, dự phòng đến điều trị.

- Thử nghiệm ứng dụng trí thông minh nhân tạo và các thiết bị theo dõi sức khoẻ thông minh để chăm sóc sức khỏe người dân, hỗ trợ công tác khám chữa bệnh, phòng chống dịch bệnh trong cộng đồng, xã hội.

- Hoàn thiện hành lang pháp lý để tạo điều kiện cho khám chữa bệnh từ xa và đơn thuốc điện tử cho người dân, nhằm bảo đảm người dân có thể tiếp xúc bác sĩ nhanh, hiệu quả, giảm chi phí và thời gian vận chuyển bệnh nhân.

5.2. Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục:

- Phát triển nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa, ứng dụng triệt để công nghệ

số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập; số hóa tài liệu, giáo trình; xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến. Phát triển công nghệ phục vụ giáo dục, hướng tới đào tạo cá thể hoá và tạo cơ hội mạnh mẽ giảm khoảng cách trong việc tiếp cận và hiệu quả trong việc học tập.

- 100% các cơ sở giáo dục triển khai công tác dạy và học từ xa, trong đó thử nghiệm chương trình đào tạo cho phép học sinh, sinh viên học trực tuyến tối thiểu 20% nội dung chương trình. Ứng dụng công nghệ số để giao bài tập về nhà và kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh trước khi đến lớp học.

5.3. Chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp:

- Phát triển nông nghiệp công nghệ cao theo hướng chú trọng nông nghiệp thông minh, nông nghiệp chính xác, tăng tỷ trọng của nông nghiệp công nghệ số trong nền kinh tế.

- Tập trung xây dựng các hệ thống dữ liệu lớn của ngành như về đất đai, cây trồng, vật nuôi, thủy sản. Xây dựng mạng lưới quan sát, giám sát tích hợp trên không và mặt đất phục vụ các hoạt động nông nghiệp. Thúc đẩy cung cấp thông tin về môi trường, thời tiết, chất lượng đất đai để người nông dân nâng cao năng suất và chất lượng cây trồng, hỗ trợ chia sẻ các thiết bị nông nghiệp qua các nền tảng số.

- Ứng dụng công nghệ số để tự động hóa các quy trình sản xuất, kinh doanh; quản lý, giám sát nguồn gốc, chuỗi cung ứng sản phẩm, bảo đảm nhanh chóng, minh bạch, chính xác, an toàn, vệ sinh thực phẩm. Đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử trong nông nghiệp.

- Thực hiện chuyển đổi số trong công tác quản lý để có các chính sách, điều hành kịp thời phát triển nông nghiệp như dự báo, cảnh báo thị trường, quản lý quy hoạch, phát triển nông nghiệp hiện đại ứng phó với biến đổi khí hậu.

5.4. Chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch:

Triển khai thực hiện Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 30/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Đề án tổng thể ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực du lịch giai đoạn 2018 - 2020, định hướng đến năm 2025”. Các mục tiêu cơ bản của chuyển đổi số đối với lĩnh vực du lịch bao gồm:

- Xây dựng các giải pháp về du lịch số, du lịch thông minh cho du khách trong và ngoài nước:

- + Hệ thống Internet công cộng thông minh phục vụ du khách;

- + Phát triển Cổng thông tin du lịch, các ứng dụng trên thiết bị di động cung cấp cho khách du lịch trong và ngoài nước các thông tin về điểm đến, sản phẩm dịch vụ du lịch (lưu trú, nhà hàng, sản phẩm đặc trưng địa phương...), thuyết minh du lịch dịch tự động ra các ngôn ngữ phổ biến.

+ Xây dựng nội dung số về thông tin văn hóa, lịch sử địa phương; ứng dụng công nghệ thực tế ảo, công nghệ trí tuệ nhân tạo và các công nghệ mới khác nhằm đưa đến những dịch vụ tốt nhất về trải nghiệm, tiện dụng, tăng giá trị và sức hấp dẫn đối với khách du lịch cũng như các điểm đến du lịch.

+ Đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt với các dịch vụ du lịch, đồng bộ trên địa bàn, đa dạng hóa hình thức thanh toán điện tử.

- 100% công tác quản lý liên quan đến du lịch (các cơ sở cung cấp dịch vụ cho du lịch, hướng dẫn viên, điểm du lịch, công ty khai thác du lịch...) được điện tử hóa, số hóa.

- Kết nối liên thông, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch từ Trung ương đến địa phương và doanh nghiệp du lịch.

- Xây dựng các hệ thống giám sát an ninh, an toàn thông minh từ xa, trung tâm thông tin và điều hành du lịch tại tất cả các điểm đến du lịch, đảm bảo hỗ trợ khách du lịch 24/7 trong mọi trường hợp cần sự trợ giúp, khẩn cấp.

5.5. Chuyển đổi số trong lĩnh vực giao thông vận tải:

- Phát triển hệ thống giao thông thông minh, tập trung vào các hệ thống giao thông đô thị, các đường cao tốc.

- Chuyển đổi các hạ tầng logistics (như cảng biển, hàng không, kho vận ...). Chuyển đổi việc quản lý kết cấu hạ tầng giao thông, phương tiện kinh doanh vận tải, quản lý người điều khiển phương tiện, cho phép quản lý kết cấu hạ tầng giao thông số, đăng ký và quản lý phương tiện qua hồ sơ số, cấp và quản lý giấy phép người điều khiển phương tiện số.

- Phát triển các nền tảng kết nối giữa các chủ hàng, các nhà giao vận và khách hàng để phát triển thành một hệ thống một cửa để cho phép chủ hàng có thể tìm ra phương tiện tối ưu để vận chuyển hàng hoá và các kho bãi chính xác cũng như hỗ trợ việc đóng gói, hỗ trợ đăng ký và hoàn thiện các quá trình xử lý các văn bản hành chính liên quan.

5.6. Chuyển đổi số trong lĩnh vực năng lượng:

Chuyển đổi số trong lĩnh vực năng lượng, trong đó ưu tiên tập trung cho ngành điện lực hướng đến tối đa hoá và tự động hoá các mạng lưới cho việc cung ứng điện một cách hiệu quả. Kết nối các đồng hồ đo điện số để cải thiện tốc độ và sự chính xác của hoá đơn, xác định sự cố về mạng lưới nhanh hơn, hỗ trợ người dùng cách tiết kiệm năng lượng và phát hiện ra các tổn thất, mất mát điện năng.

5.7. Chuyển đổi số trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng:

- Thúc đẩy các ngân hàng thương mại cung cấp dịch vụ ngân hàng số theo hướng đa dạng kênh phân phối, đổi mới sáng tạo, tự động hóa quy trình cung cấp dịch vụ.

- Thúc đẩy hợp tác với các công ty công nghệ tài chính và trung gian thanh toán.



- Đưa dịch vụ tài chính – ngân hàng đến gần hơn những đối tượng vùng sâu, vùng xa chưa có khả năng tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ tài chính – ngân hàng dựa vào sự đổi mới sáng tạo của công nghệ số.

5.8. Chuyển đổi số trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp

Chuyển đổi số trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp theo hướng chú trọng phát triển các trụ cột: xây dựng chiến lược và cơ cấu tổ chức thông minh, nhà máy, công xưởng thông minh, vận hành thông minh, tạo ra các sản phẩm thông minh, xây dựng dịch vụ về dữ liệu và phát triển kỹ năng số cho người lao động.

III. TÀI CHÍNH CHO CHUYỂN ĐỔI SỐ

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch này bao gồm: Ngân sách nhà nước; nguồn đầu tư của doanh nghiệp, khu vực tư nhân, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Các địa phương căn cứ nhiệm vụ được giao ưu tiên nguồn lực để thực hiện các hoạt động chuyển đổi số.

- Ưu tiên kinh phí từ ngân sách nhà nước để phục vụ các hoạt động hỗ trợ chuyển đổi nhận thức, kiến tạo thể chế, phát triển hạ tầng số, phát triển nền tảng số, tạo lập niềm tin, bảo đảm an toàn an ninh mạng, hợp tác quốc tế, nghiên cứu phát triển và đổi mới sáng tạo trong môi trường số và chuyển đổi kỹ năng trong môi trường số và các nhiệm vụ thuộc Kế hoạch này do cơ quan nhà nước chủ trì thực hiện.

- Đối với các đơn vị có các nguồn kinh phí được để lại theo quy định (đang để ngoài cân đối ngân sách): Việc sử dụng kinh phí để thực hiện Kế hoạch thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công và pháp luật chuyên ngành

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo Chính quyền điện tử tỉnh

Ban Chỉ đạo Chính quyền điện tử tỉnh chỉ đạo, điều phối chung việc triển khai Chương trình Chuyển đổi số tỉnh Kiên Giang.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì tổ chức thực hiện Kế hoạch này. Định kỳ hàng năm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát; cho ý kiến về nội dung chuyên môn các đề án, dự án, nhiệm vụ triển khai Kế hoạch; tổng hợp thông tin, số liệu về tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch.

- Chủ trì, phối với các đơn vị các đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh triển khai các ứng dụng nền tảng đảm bảo các mục tiêu xây dựng Chính quyền số tỉnh Kiên Giang.

- Tổng hợp tình hình triển khai kế hoạch hàng năm của các sở, ban, ngành, địa phương.

- Xây dựng chiến lược, chính sách quản trị dữ liệu, kế hoạch phát triển dữ liệu, các cơ sở dữ liệu bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ. Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách thúc đẩy cạnh tranh trong lĩnh vực viễn thông để phát triển hạ tầng số.

- Định kỳ hàng năm tổ chức kiểm tra, đánh giá (thường xuyên hoặc đột xuất) hiệu quả triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin (Đầu tư, thuê...) dùng vốn ngân sách nhà nước trong xây dựng Chính quyền điện tử/Chính quyền số tại các địa phương đơn vị và tổng hợp báo cáo UBND tỉnh về kết quả thực hiện Kế hoạch này, đề xuất điều chỉnh các nội dung khi cần thiết.

- Định hướng, phối hợp các doanh nghiệp Viễn thông, CNTT trong và ngoài tỉnh có đủ năng lực để phát triển và cung cấp các giải pháp, các dịch vụ CNTT dưới hình thức thuê dịch vụ cho chuyển đổi số.

- Tổ chức thực hiện các giải pháp bảo đảm tính hiệu quả cho phát triển Chính quyền điện tử hướng đến Chính quyền số tỉnh Kiên Giang;

- Phối hợp với các ngành liên quan tham mưu cho UBND tỉnh thu hút nguồn lực và các nguồn hỗ trợ từ Trung ương để thực hiện thành công kế hoạch.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

- Nghiên cứu đề xuất các chính sách thử nghiệm; cơ chế để các doanh nghiệp sử dụng nguồn vốn phát triển khoa học và công nghệ phục vụ chuyển đổi số.

- Tổ chức triển khai các chương trình hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh.

- Phối hợp chặt chẽ với các trường Cao đẳng, Đại học, Viện nghiên cứu trong và ngoài tỉnh, doanh nghiệp để thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp, sáng kiến, đề tài khoa học lĩnh vực CNTT nói chung và chuyển đổi số nói riêng.

4. Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Trên cơ sở đề xuất dự toán kinh phí thực hiện các nội dung thuộc Chương trình của các đơn vị, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh xem xét, bố trí nguồn kinh phí để thực hiện theo quy định.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các đơn vị đẩy mạnh các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP).

5. Sở Y tế

- Chủ trì triển khai các nhiệm vụ, giải pháp về chuyển đổi số của ngành y tế.

- Kết nối và bảo đảm hoạt động hiệu quả hệ thống thông tin quản lý khám chữa bệnh và thanh toán bảo hiểm y tế qua mạng điện tử. Xây dựng hệ thống và hướng dẫn thực hiện qua mạng điện tử đối với việc cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh. Chỉ đạo các bệnh viện trực thuộc xây dựng và vận hành hệ thống tư vấn khám, chữa bệnh từ xa

- Cấp phép hoạt động cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, đăng ký lưu hành và đăng ký giá thuốc qua mạng điện tử. Tích hợp thông tin cấp chứng chỉ, cấp phép nêu trên lên Cổng dịch vụ công của tỉnh.

- Đưa vào ứng dụng đồng bộ có hiệu quả hệ thống bệnh án điện tử.

6. Các Sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố

- Các Sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ tham mưu triển khai thực hiện nội dung Kế hoạch chuyển đổi số này vào kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin hàng năm của đơn vị.

- Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất (khi có yêu cầu) các ngành, đơn vị gửi báo cáo cho Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Thông tin và Truyền thông) về tình hình, kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch này.

Trên đây là Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 của tỉnh Kiên Giang. Trong quá trình thực hiện có vướng mắc, phát sinh, cơ quan, đơn vị báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để chỉ đạo, xử lý./. *VL*

Nơi nhận:

- Ủy ban Quốc gia về CPĐT;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT. UBND tỉnh;
- Ban Chỉ đạo CQĐT tỉnh;
- Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP, P. KGVX, P.TH;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Lưu: VT, ltram.

CHỦ TỊCH



Thánh
Lâm Minh Thành



Người ký: Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang
Email: ubnd@kiengiang.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Kiên Giang
Thời gian ký: 29.12.2020 18:01:17 +07:00